

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Máy điện

Học kỳ: 2

Khóa học : CDK2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: Phòng A01

Ngày thi : 25/06/2026

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25CH1A_06	Nguyễn Đăng Khả Ái	69	1	1,0	một	Nguyễn	
2	002	25CH1A_02	Đỗ Ngọc Hoài An	70	1	1,0	một	Đỗ	
3	003	25CH1B_01	Huỳnh Công An	71	1	0,0	không	Huỳnh	
4	004	25TQ1F_01S	Nguyễn Trần Hoàng Ân	/	/	/	/	/	Vắng
5	005	25CH1B_02	Bùi Duy Anh	72	1	2,5	hai, năm	Anh	
6	006	25CH1A_04	Dương Bá Anh	73	1	1,5	một, năm	Anh	
7	007	25CH1D_01	Hứa Hải Anh	74	1	1,5	một, năm	Anh	
8	008	25CS1A_53	Lê Hoàng Minh Anh	75	1	0,0	không	Lê	
9	009	25CH1D_03	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	76	1	2,5	hai, năm	Anh	
10	010	25CH1B_04	Nguyễn Kim Anh	77	1	4,0	bốn	Kim	
11	011	25CS1A_01	Nguyễn Nhật Anh	78	1	1,0	một	Nguyễn	
12	012	25CS1A_02	Nguyễn Thế Anh	59	1	3,0	ba	Thế	
13	013	25CS1A_03	Nguyễn Văn Đức Anh	60	1	0,0	không	Đức	
14	014	25CH1D_04	Nguyễn Vương Quốc Anh	61	1	6,0	sáu	Quốc	
15	015	25CH1A_01	Phạm Nhật Anh	62	1	0,0	không	Phạm	
16	016	25CH1B_05	Vũ Trâm Anh	63	1	2,5	hai, năm	Trâm	
17	017	25CH1A_08	Nguyễn Khánh Băng	64	1	3,0	ba	Khánh	
18	018	25CH1D_06	Bùi Gia Bảo	65	1	0,0	không	Bùi	
19	019	25CS1A_05	Nguyễn Huỳnh Hồng Bảo	66	1	3,0	ba	Huỳnh	
20	020	25CH1A_07	Nguyễn Phan Gia Bảo	67	1	5,0	năm	Phan	
21	021	25CH1C_02	Nguyễn Quốc Bảo	68	1	7,0	bảy	Quốc	
22	022	25CH1D_07	Phùng Duy Bảo	49	1	2,0	hai	Phùng	
23	023	25CS1A_06	Nguyễn Tấn Bình	50	1	0,5	Nửa chẵn	Tấn	
24	024	25CH1B_06	Nguyễn Thanh Bình	51	1	0,0	không	Nguyễn	
25	025	25CH1B_07	Trương Nguyễn Thanh Bình	/	/	/	/	/	Vắng
26	026	25CH1B_08	Lê Hoàng Chinh	52	1	3,0	ba	Chinh	
27	027	25CS1A_07	Đoàn Quốc Cường	53	1	1,0	một	Đoàn	
28	028	25CH1B_09	Huỳnh Quốc Cường	54	1	2,0	hai	Huỳnh	
29	029	25CH1C_06	Trần Gia Đại	55	1	3,0	ba	Trần	
30	030	25CH1A_09	Trần Văn Đăng	56	1	3,0	ba	Trần	
31	031	25CS1A_10	Lê Nguyễn Hải Đăng	57	1	2,0	hai	Lê	
32	032	25CH1D_11	Nguyễn Ngọc Đạo	58	1	2,5	Hai nửa	Nguyễn	

Tổng số: 32

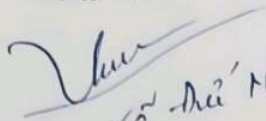
Số sinh viên có mặt: 30

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026

Số bài thi: 30

Số sinh vắng mặt: 02.

Giám thị 1


Vũ Đức Như

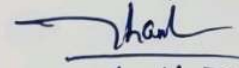
Duyệt
Trưởng khoa



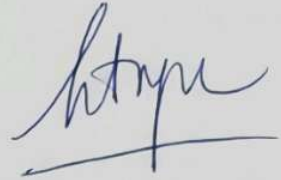
Đặng Mạnh Cường

Số tờ giấy thi: 30.

Giám thị 2


Ngô Hoàng Thanh

Thư ký khoa



Không có chữ ký

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Máy điện

Khóa học : CDK2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Ngày thi : 25/06/2026

Học kỳ: 2

Năm học: 2025

Phòng thi: Phòng A02

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	033	25CH1A_11	Phạm Thành Đạt	105	1	0,0	Không	Đạt	
2	034	25CH1A_10	Hồ Ngọc Phương Du	106	1	2,0	Hai	Đu	
3	035	25CH1D_12	Lê Minh Đức	107	1	0,5	Không, năm	Đu	
4	036	25CS1A_08	Trần Tấn Dũng	108	1	1,0	Một	Đ	
5	037	25CH1C_04	Đào Quốc Duy	109	1	2,0	Hai	M	
6	038	25CH1D_09	Huỳnh Minh Duy	110	1	1,5	Một nửa	M	
7	039	25CH1B_10	Nguyễn Võ Thành Duy	99	1	1,0	Một	Duy	
8	040	25CH1B_11	Trần Thanh Duy	100	1	2,5	Hai nửa	Duy	
9	041	25CH1B_12	Huỳnh Văn Giàu	101	1	3,0	Ba	Cao	
10	042	25CH1B_13	Chau Sây Ha	102	1	1,5	Một nửa	Ha	
11	043	25CH1C_07	Bùi Nguyễn Ngọc Hà	103	1	3,5	Bốn nửa	Ha	
12	044	25CH1A_49	Đỗ Thị Hải	104	1	4,0	Bốn	Hải	
13	045	25CS1A_13	Nguyễn Võ Gia Hân	90	1	1,0	một	Hân	
14	046	25CH1A_13	Trần Mỹ Hằng	91	1	1,0	một	Hằng	
15	047	25CH1A_12	Lê Thị Phúc Hạnh	92	1	8,5	tám, năm	Hạnh	
16	048	25CS1A_11	Nguyễn Phạm Gia Hào	93	1	1,5	một, năm	Hào	
17	049	25CH1D_15	Nhan Hiếu Hậu	94	1	5,0	năm	Hậu	
18	050	25CH1A_14	Phạm Duy Trung Hậu	95	1	2,0	hai	Hậu	
19	051	25CH1C_08	Trần Thanh Hậu	96	1	0,0	không	Hậu	
20	052	25CH1B_15	Lê Thanh Hiền	97	1	1,5	Một nửa	Hiền	
21	053	25CH1A_16	Đặng Hoàng Hiền	98	1	4,5	Bốn nửa	Hiền	
22	054	25CS1A_14	Đào Ngọc Hiếu	79	1	3,0	ba	Hiếu	
23	055	25CH1C_09	Hồ Trọng Hiếu	80	1	1,0	một	Hiếu	
24	056	25CH1A_15	Huỳnh Minh Hiếu	81	1	2,0	hai	Hiếu	
25	057	25CH1D_16	Nguyễn Minh Hiếu	82	1	3,0	ba	Hiếu	
26	058	25CS1A_15	Trần Cao Minh Hiếu	83	1	3,0	ba	Hiếu	
27	059	25CH1B_14	Trần Lê Trung Hiếu	84	1	0,0	không	Hiếu	
28	060	25CH1D_17	Trần Trung Hiếu	85	1	4,5	bốn, năm	Hiếu	
29	061	25CH1B_18	Phạm Thanh Hùng	86	1	2,5	hai, năm	Hùng	
30	062	25CS1A_19	Đặng Hải Hưng	87	1	5,0	năm	Hùng	
31	063	25CH1D_21	Mai Gia Hưng	88	1	4,0	một	Hùng	
32	064	25CH1C_14	Nguyễn Hữu Khánh Hưng	89	1	6,5	sáu, năm	Hùng	

Tổng số: 32

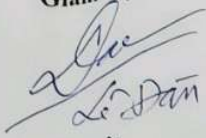
Số sinh viên có mặt: 32

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi: 32

Số sinh vắng mặt: 0.

Giám thị 1



Duyệt

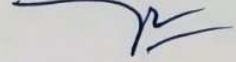
Trưởng khoa



Đặng Mạnh Cường

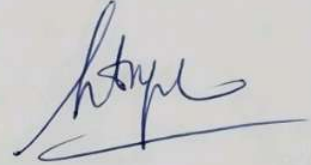
Số tờ giấy thi:

Giám thị 2



Đoàn Lê Thanh Trúc

Thư ký khoa



Hoàng Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Máy điện

Khóa học : CDK2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Ngày thi : 25/06/2026

Học kỳ: 2

Năm học: 2025

Phòng thi: Phòng A04

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	065	25CH1C_15	Trần Bá Hưng	137	1	5,0	Năm		
2	066	25CH1A_18	Trương Gia Hưng	138	1	5,0	Năm		
3	067	25CH1B_19	Phan Cẩm Hường	139	1	6,0	Sáu		
4	068	25CH1D_18	Cáp Hữu Gia Huy	140	1	4,0	Bốn		
5	069	25CH1C_10	Chu Trọng Huy	141	1	5,5	Năm lười		
6	070	25CH1D_19	Hồ Gia Huy	142	1	3,5	Ba lười		
7	071	25CH1D_20	Ngô Quốc Huy	131	1	4,5	Bốn lười		
8	072	25CH1B_16	Nguyễn Đăng Huy	132	1	6,0	Sáu		
9	073	25CH1C_11	Nguyễn Quốc Huy	133	1	6,0	Sáu		
10	074	25CH1B_17	Nguyễn Tuấn Huy	134	1	6,0	Sáu		
11	075	25CH1C_12	Trần Nguyễn Anh Huy	135	1	7,0	Bảy		
12	076	25CS1A_16	Trần Nhật Huy	136	1	4,5	Bốn lười		
13	077	25CS1A_17	Võ Trọng Huy	122	1	5,0	Năm		
14	078	25CH1D_22	Thành San Hy	123	1	5,5	Năm lười		
15	079	25CH1C_16	Phạm Tấn Kha	124	1	6,5	Sáu lười		
16	080	25CH1C_18	Lê Thế Khải	125	1	6,5	Sáu lười		
17	081	25CH1B_20	Huỳnh Tuấn Khanh	126	1	2,5	Hai lười		
18	082	25CS1A_20	Phan Hoàng Khanh	127	1	5,5	Năm lười		
19	083	25CS1A_21	Lương Vũ Duy Khánh	128	1	5,0	Năm		
20	084	25CH1A_19S	Nguyễn Quốc Khánh	129	1	5,0	Năm		
21	085	25CH1B_21	Nguyễn Anh Khoa	130	1	6,0	Sáu		
22	086	25CH1D_25	Trần Nguyễn Anh Khoa	111	1	8,5	Tám lười		
23	087	25CS1A_22	Trần Nguyễn Đăng Khoa	112	1	7,0	Bảy		
24	088	25CH1A_20	Võ Anh Khoa	113	1	6,5	Sáu lười		
25	089	25CH1C_19	Hồ Minh Khôi	114	1	4,5	Bốn lười		
26	090	25CH1B_22	Nguyễn Văn Kiên	115	1	3,5	Ba lười		
27	091	25CH1A_22	Phan Gia Kiệt	116	1	7,0	Bảy		
28	092	25CH1B_23	Trần Bùi Gia Kiệt	117	1	7,0	Bảy		
29	093	25CS1A_23	Trần Đức Tuấn Kiệt	118	1	7,5	Bảy lười		
30	094	25CH1B_24	Trần Tuấn Kiệt	119	1	6,5	Sáu lười		
31	095	25CH1B_25	Hồ Trương Khánh Kỳ	120	1	5,0	Năm		
32	096	25CH1A_24	Lê Trần Đại Lâm	121	1	6,5	Sáu lười		

Tổng số: 32

Số sinh viên có mặt: 32

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

Số bài thi: 32

Số sinh vắng mặt: 0...

Số tờ giấy thi: 32...

Giám thị 1


Duyệt Nguyễn Văn Phú

Trưởng khoa


Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2


Đặng Thị Hương

Thư ký khoa



Hồng Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Máy điện

Khóa học : CDK2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Ngày thi : 25/06/2026

Học kỳ: 2

Năm học: 2025

Phòng thi: Phòng A05

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	097	25CH1C_21	Ngô Thành Lâm						
2	098	25CH1C_23	Ngô Tấn Lộc	183		4,0	Bốn	Lan	
3	099	25CS1A_24	Nguyễn Phúc Lộc	184		1,5	Một lười	Loi	
4	100	25CH1C_24	Nguyễn Tấn Lộc	185		1,5	Một lười	Loc	
5	101	25CH1C_22	Nguyễn Thiên Long						
6	102	25CH1C_25	Võ Nguyễn Hữu Luân	186		3,5	Ba lười	Lu	
7	103	25CS1A_27	Lê Hoàng Minh Mẫn	187		1,5	Một lười		
8	104	25CS1A_25	Nguyễn Đại Mạnh	188		4,0	Bốn		
9	105	25CH1A_26	Trần Bình Minh	189		3,5	Ba lười		
10	106	25CS1A_28	Trần Gia Minh	190		1,0	Một	Minh	
11	107	25CH1D_29	Lê Kiều My	191		2,0	Hai	Minh	
12	108	25CH1D_29	Nguyễn Vũ Hoài Nam	172		4,0	Bốn	My	
13	109	25CH1B_27	Phùng Nhật Nam	173		4,0	Bốn	Ph	
14	110	25CH1D_30	Võ Kỳ Nam	174		3,0	Ba	Nam	
15	111	25CH1D_31	Phú Hữu Ngón	175		2,0	Hai	Nam	
16	112	25CH1D_32	Nguyễn Công Minh Nguyên	176		1,0	Một	ng	
17	113	25CH1D_32	Nguyễn Công Minh Nguyên	177		5,0	Năm	nguyên	
18	114	25CH1A_27	Nguyễn Thị Bảo Nguyên	178		0,5	Không, năm	nguyên	
19	115	25CH1A_28	Lý Thanh Nhã	179		3,0	Ba	Ly	
20	116	25CS1A_30	Trần Nguyễn Nhân	180		1,0	Một	ng	
21	117	25CH1C_28	Châu Thị Tuyết Nhi	181		4,0	Bốn	nh	
22	118	25CS1A_32	Đinh Quang Phát	182		4,0	Bốn	Phat	
23	119	25CS1A_33	Lê Trần Toàn Phát	163		4,5	Bốn lười		
24	120	25CH1B_29	Nguyễn Hoàng Tấn Phát	164		1,5	Một lười	Phat	
25	121	25CH1D_33	Trương Tuấn Phát	165		0,5	Không, năm	Phat	
26	122	25CH1B_30	Chau Sóc Phi	166		2,0	Hai	Phi	
27	123	25CH1B_32	Vũ Viết Hải Phi	167		3,0	Ba	Phi	
28	124	25CH1B_33	Chau Sô Phiép	168		1,0	Một	Phi	
29	125	25CS1A_34	Lê Hồng Phong	169		2,5	Hai lười	Phi	
30	126	25CH1A_29	Trần Trọng Phú	170		6,5	Sáu lười	Phi	
31	127	25CH1B_34	Hồ Thiện Phúc	171		4,5	Bốn lười	Phu	
32	128	25CH1B_35	Nguyễn Như Phúc	152		2,5	Hai lười	Phu	
33	129	25CS1A_35	Phan Tấn Phúc	153		2,0	Hai	Phu	
34	130	25CH1A_30	Trần Quang Phúc	154		3,5	Ba lười	Phu	
35	131	25CH1C_31	Đặng Thị Kim Phượng	155		2,5	Hai lười	Phu	

35	131	25CS1A_36	Nguyễn Đức	Quân	156	1	4,5	Bốn lười	Đ
36	132	25CH1A_32	Phạm Văn Minh	Quân	157	1	2,5	Hai lười	G
37	133	25CH1C_32	Nguyễn Thế	Quang	158	1	3,0	Ba	Quang
38	134	25CH1A_33	Lê Phú	Quý	159	1	2,5	Hai lười	B
39	135	25CH1A_34	Vũ Nguyễn Hoàng	Sơn	160	1	1,0	Một	Sơn
40	136	25CH1B_38	Chau	Sóth	161	1	0,5	Không năm	TH
41	137	25CH1A_35	Lưu Đức	Tài	162	1	3,5	Ba lười	Đ
42	138	25CH1D_35	Trần Nguyễn Phát	Tài	143	1	6,0	Sáu	Tài
43	139	25CH1A_36	Hồ Khắc	Tâm	144	1	6,0	Sáu	Đ
44	140	25CH1B_39	Nguyễn Minh	Tâm	145	1	2,5	Hai lười	Đ
45	141	25CH1D_36	Hà Nguyễn Duy	Tân	146	1	0,5	Không năm	Tân
46	142	25CH1C_36	Phương Hoài	Tân	147	1	2,0	Hai	Đ
47	143	25CS1A_37	Quách Việt	Tân	148	1	2,5	Hai lười	Đ
48	144	25CH1C_37	Phan Nhựt	Tân	149	1	5,0	Năm	Đ
49	145	25CH1B_40	Nguyễn Bảo	Thạch	150	1	5,0	Năm	Thạch
50	146	25CS1A_39	Huỳnh Quang	Thái	151	1	1,5	Một lười	Đ

Tổng số: 50

Số sinh viên có mặt: 49.

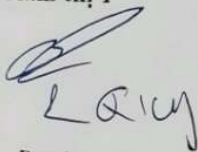
Số sinh vắng mặt: 1.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi: 49.

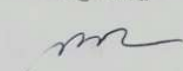
Số tờ giấy thi: 49.

Giám thị 1



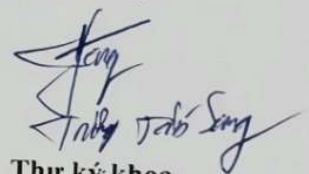
Duyệt

Trưởng khoa

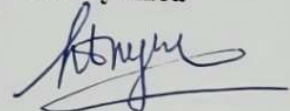


Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2



Thư ký khoa



Hồng Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Máy điện
Khóa học : CDK2025
Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy
Ngày thi : 25/06/2026

Học kỳ: 2
Năm học: 2025
Phòng thi: Phòng A07
Giờ thi: 9.30 Làn thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	147	25CH1C_38	Lê Quốc Thái						
2	148	25CH1C_39	Trần Đức Thái	39	1	1,0	một	th	
3	149	25CS1A_38	Trần Thiện Thanh	40	1	1,0	một	th	
4	150	25CH1A_37	Ngô Nguyễn Phước Thành	41	1	1,5	một, năm	thanh	
5	151	25CH1A_38	Nguyễn Thành Thật	42	1	3,0	ba	th	
6	152	25CH1A_39	Đoàn Văn Thép	43	1	3,5	ba, năm	th	
7	153	25CS1A_40	Đinh Phi Thiên	44	1	1,0	một	th	
8	154	25CH1C_40	Ngô Hoàng Thiên	45	1	1,5	một, năm	th	
9	155	25CH1C_41	Nguyễn Trường Thiên	46	1	3,0	ba	th	
10	156	25CH1D_38	Bùi Khắc Thiện	47	1	0,5	không, năm	th	
11	157	25CH1A_40	Bùi Trần Trung Thiện	48	1	2,0	hai	th	
12	158	25CH1D_39	Đào Công Thiện	32	1	3,5	ba, năm	th	
13	159	25CH1B_42	Trần Nguyễn Quốc Thiện	33	1	2,0	hai	th	
14	160	25CH1C_42	Trương Huỳnh Ngọc Thiện	34	1	1,5	một, năm	th	
15	161	25CH1A_41	Đặng Phú Thịnh	35	1	3,5	chín, năm	T	
16	162	25CH1C_43	Dương Hữu Thịnh	36	1	1,5	một, năm	th	
17	163	25CH1A_42	Nguyễn Duy Thịnh	37	1	1,5	một, năm	th	
18	164	25CH1A_43	Nguyễn Phan Cảnh Thịnh	38	1	2,0	hai	th	
19	165	25CH1D_41	Trần Phú Thịnh	24	1	4,0	bốn	th	
20	166	25CH1B_43	Trần Thị Thu Thoa	25	1	0,5	không, năm	th	
21	167	25CH1A_44	Nguyễn Nhật Minh Thuận	26	1	1,0	một	th	
22	168	25CH1B_44	Trần Duy Thuận	27	1	1,5	một, năm	th	
23	169	25CH1C_44	Nguyễn Mai Tiên	28	1	3,0	ba	th	
24	170	25CS1A_42	Mai Minh Tiến	29	1	3,5	ba, năm	th	
25	171	25CS1A_43	Phạm Nguyễn Đình Toàn	30	1	1,0	một	th	
26	172	25CS1A_44	Trần Cẩm Toàn	31	1	2,0	hai	th	
27	173	25CH1A_45	Trương Ngọc Toàn	17	1	3,0	ba	th	
28	174	25CH1B_45	Đoàn Thị Bích Trâm	18	1	0,5	không, năm	th	
29	175	25CH1B_45	Nguyễn Trần Trâm	19	1	0,0	không	th	
30	176	25CS1A_45	Nguyễn Trần Trâm	/	/	/	/	/	rất
31	177	25CH1C_46	Nguyễn Thị Thu Trang	20	1	5,5	nam, năm	th	
32	178	25CS1A_46	Huỳnh Túc Trí	21	1	3,5	ba, năm	th	
33	179	25CH1A_47	Lê Trung Nhật Trí	22	1	2,0	hai	th	
34	180	25CH1B_46	Lê Văn Triết	23	1	3,0	ba	th	
35		25CH1D_43	Trần Ngọc Mỹ Trinh	10	1	2,0	hai	th	

35	181	25CH1A_46	Thượng Huỳnh Việt	Trung	11	1	1,0	một	
36	182	25CS1A_49	Ngô Doãn Xuân	Trường	12	1	1,5	một, năm	
37	183	25CH1D_44	Nguyễn Anh	Trường	13	1	2,0	hai	
38	184	25CH1C_47	Nguyễn Đan	Trường	14	1	3,0	ba	
39	185	25CH1B_49	Lại Tuấn	Tú	15	1	1,5	một, năm	
40	186	25CS1A_50	Tạ Thái	Tú	16	1	5,5	năm, năm	
41	187	25CH1D_45	Vô Phi Quang	Tuấn	1	1	4,5	bốn, năm	
42	188	25CH1D_46	Lưu Văn	Tuyên	2	1	0,0	không	
43	189	25CS1A_51	Nguyễn Phạm Huy	Uyên	3	1	2,0	hai	
44	190	25CH1A_47	Phạm Thái Tú	Uyên	4	1	1,5	một, năm	
45	191	25CS1A_52	Lê Quốc	Việt	5	1	2,5	hai, năm	
46	192	25CH1B_50	Ngô Thanh	Vinh	6	1	4,0	bốn	
47	193	25CH1D_48	Phan Thanh	Vinh	7	1	0,0	không	
48	194	25CH1C_49	Cao Bá	Vũ	8	1	1,5	một, năm	
49	195	25CH1A_48	Bùi Phương	Vy	9	1	3,0	ba	

Tổng số: 49

Số sinh viên có mặt: 48.

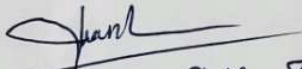
Số sinh vắng mặt: 01.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 05 năm 2026

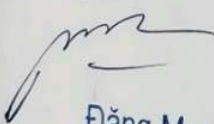
Số bài thi: 48.

Số tờ giấy thi: 48.

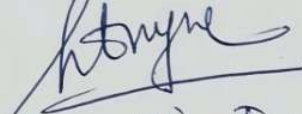
Giám thị 1

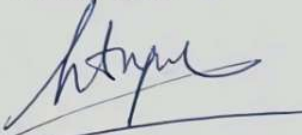

Phan Thị Quế Trang
Duyệt

Trưởng khoa


Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2


Hồng Tuyết Ngân
Thư ký khoa



Hồng Tuyết Ngân